TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 –T HANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:30/2026/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 02 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 6; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 08/2026TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*". Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Trương Thị T, sinh năm 1984; CCCD số 038184013372.

Địa chỉ: Thôn A, xã N, tỉnh Thanh Hóa

Và anh Trịnh Văn H, sinh năm 1989; CCCD số 038089033621

Đại chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Trịnh Văn H tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức cưới và UBND xã H, tỉnh Thanh Hóa cấp đăng ký kết hôn ngày 01/11/2023. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống không phù hợp nên xảy ra mẫu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng dạn nứt nên hai người đã sống ly thân từ tháng 02/2024 đến nay, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị T và anh H đều xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn. Do đó cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp.

[2]. Về con: Chị Trương Thị T và anh Trịnh Văn H có một con chung là Trịnh Thị Thu T1, sinh ngày 31/8/2023.

Hai bên thỏa thuận: Chị Trương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trịnh Thị Thu T1, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản, công nợ: Chị Trương Thị T và anh Trịnh Văn H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*[4]. Về lệ phí***:** Chị Trương Thị T và anh Trịnh Văn H thỏa thuận, anh H tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

[5].Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị T và anh Trịnh Văn H.

- *Về con*: Chị Trương Thị T và anh Trịnh Văn H có một con chung là Trịnh Thị Thu T1, sinh ngày 31/8/2023.

Hai bên thỏa thuận: Chị Trương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trịnh Thị Thu T1, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản, công nợ:* Chị Trương Thị T và anh Trịnh Văn H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trương Thị T và anh Trịnh Văn H thỏa thuận anh H tự nguyện nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí anh H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí phí ký hiệu BLTU/25E số 0000219 ngày 09/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. (Anh H đã nộp đủ)

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 4 - Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Hoằng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Cao Thị Nga